

Bản án số: 98/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2018

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Văn Huynh.

2/ Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Diệu Th, sinh năm 1977 (Có mặt).

2/ Bị đơn: Anh Vũ Quốc N, sinh năm 1969 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 06, tổ 10, ấp Xóm Gốc, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và lời khai tiếp theo tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Diệu Th trình bày:

– Chị và anh N xây dựng gia đình vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bắt đầu từ quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, nuôi dạy con, anh N không có trách nhiệm với vợ, con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay, nhưng vẫn sống chung nhà tại ấp Xóm Gốc, xã L. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh N.

– Về con chung, có 02 con cháu:

1/ Cháu Vũ Quốc Tr, sinh ngày 29/9/1998 (đã trưởng thành).

2/ Cháu Vũ Thị Thanh T, sinh ngày 19/11/2002.

Hiện cháu T đang sống cùng chị. Chị Th yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

– Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Vũ Quốc N trình bày:

– Anh và chị Th kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, nuôi dạy con. Anh thừa nhận vợ chồng sống không hạnh phúc từ năm 2015 đến nay như chị Th trình bày là đúng, nhưng vì con anh không đồng ý ly hôn chị Th, và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật. Vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay như chị Th trình bày là đúng.

– Về con chung, có 02 con cháu:

1/ Cháu Vũ Quốc Tr, sinh ngày 29/9/1998 (đã trưởng thành).

2/ Cháu Vũ Thị Thanh T, sinh ngày 19/11/2002.

Hiện cháu T đang sống cùng chị Th, anh đồng ý để chị Th nuôi dưỡng cháu T, anh không cấp dưỡng nuôi con.

– Về tài sản chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Về nợ chung: Không có, không đề nghị xem xét, giải quyết,

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ, bị đơn chấp hành không đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Giao cháu T cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng, bị đơn không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Vũ Quốc N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để đến Tòa án làm việc, nhưng anh N không đến. Tại phiên tòa, anh N có mặt nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

Chị Th, anh N chung sống với nhau từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng được nguyên đơn và bị đơn xác định do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, nuôi dạy con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã,

sống không hạnh phúc. Chị Th xác định không còn tình cảm với anh N, đề nghị được ly hôn anh N. Về phía anh N, anh thừa nhận vợ chồng sống không hạnh phúc từ năm 2015 đến nay, nhưng vì con nên anh không đồng ý ly hôn chị Th và đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, xác minh của Tòa án và các chứng cứ, tài liệu Tòa án đã thu thập được, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

– Về con chung, có 02 con cháu:

1/ Cháu Vũ Quốc Tr, sinh ngày 29/9/1998 (đã trưởng thành).

2/ Cháu Vũ Thị Thanh T, sinh ngày 19/11/2002.

Hiện cháu T đang sống chung với chị Th.

Tại phiên tòa, chị Th và anh N thỏa thuận về việc nuôi con chung, chị Th được quyền nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Thanh T, sinh ngày 19/11/2002, anh N không cấp dưỡng nuôi con, cháu T có nguyện vọng được sống chung với chị Th. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung. Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Th yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con.

– Về tài sản chung: Chị Th và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét

– Về nợ chung: Không có, không đề nghị xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Chị Th là người nộp đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Th được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp. Chị Th đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56 và Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Diệu Th, chị Th được ly hôn anh Vũ Quốc N.

– Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung như sau:

Chị Th được quyền nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Thanh T, sinh ngày 19/11/2002, anh N không cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc cấp dưỡng nuôi con.

– Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Về án phí: Chị Huỳnh Thị Diệu Th phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 002045 ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị Th đã nộp đủ án phí.

3/ Chị Huỳnh Thị Diệu Th, anh Vũ Quốc N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Thùy Trang

